

BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

.....



BÁO CÁO TỔNG QUAN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025

HÀ NỘI - 2017

Số: SAC/BC-ĐHKT-TH

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2017

## BÁO CÁO TỔNG QUAN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025

### I. Báo cáo Tổng quan Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Trường Đại học Kiến trúc được thành lập theo Quyết định số 181/CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ. Trường thuộc Bộ Xây dựng, chịu sự quản lý Nhà nước về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

#### 1.1. Về đội ngũ giảng viên và tổ chức bộ máy hoạt động:

Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm quản lý chung mọi hoạt động của Nhà trường, bao gồm: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng.

Các Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu và điều hành từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.

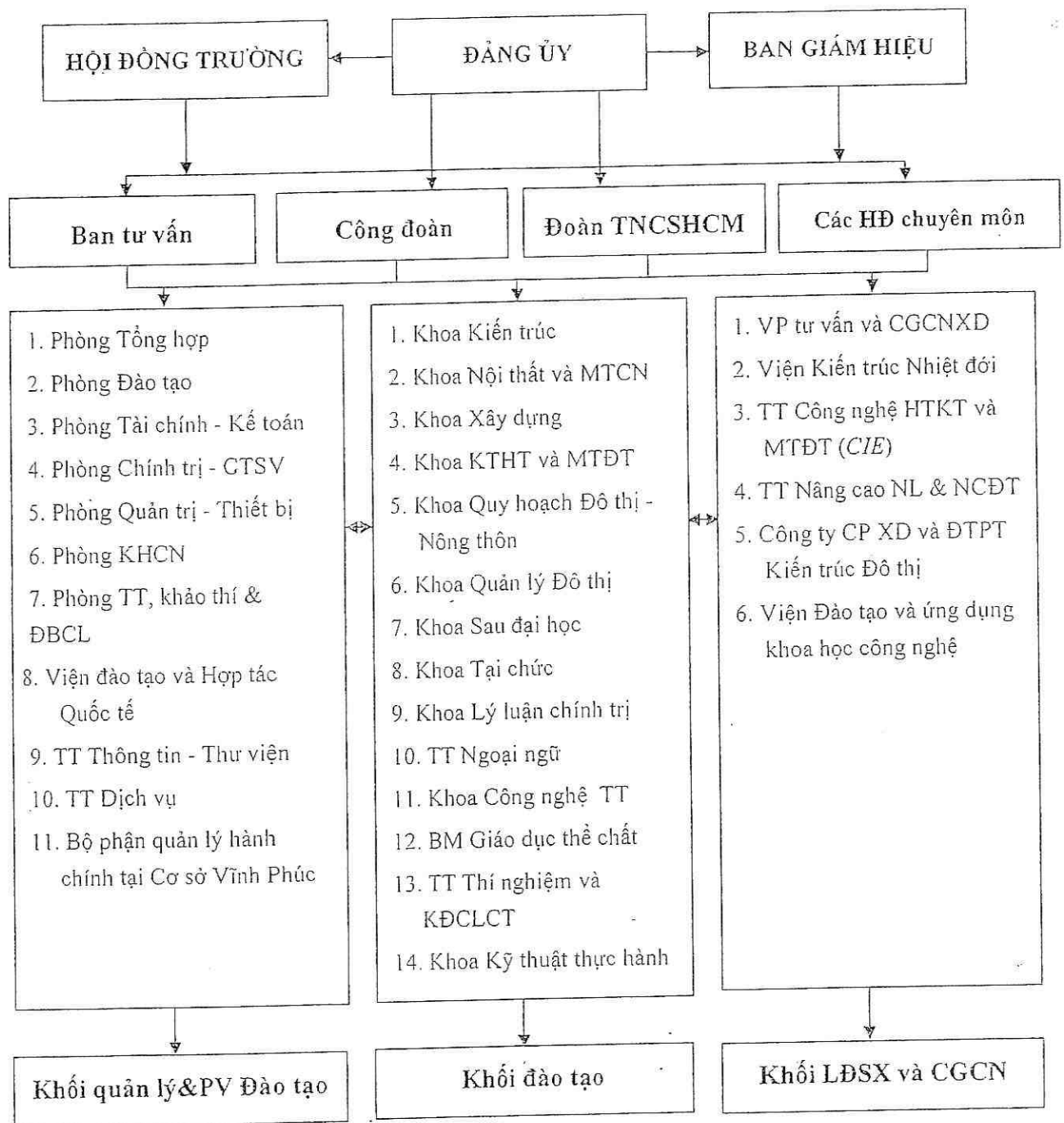
Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số: 1008/QĐ-BXD ngày 27 tháng 09 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng; Hội đồng Trường hoạt động theo quy chế đã được thông qua phù hợp với Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Xây dựng và Bộ giáo dục và đào tạo.

Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu của Nhà trường hoạt động phối hợp chặt chẽ có sự chỉ đạo của Đảng ủy thực hiện những nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học được Bộ Xây dựng giao và tuân thủ các luật định và văn bản pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hiện có 31 đơn vị trực thuộc. Tổ chức bộ máy Nhà trường được xây dựng và phát triển theo yêu cầu đào tạo, quản lý bao gồm Ban Giám hiệu; 12 khoa; 01 Bộ môn; 07 phòng; 06 trung tâm, 03 viện nghiên cứu, 01 Văn phòng và 01 Công ty.

Nhà trường hiện có 910 cán bộ viên chức và người lao động hợp đồng, trong đó:

- Cán bộ giảng dạy (giảng viên và giáo viên): 513 người (trong đó có: 01 Giáo sư, 29 Phó Giáo sư, 07 Nhà giáo ưu tú, 101 Tiến sĩ, 334 Thạc sĩ).
- Cán bộ quản lý và phục vụ: 224 người
- Khối lao động sản xuất: 173 người (tự hạch toán)



Các tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Đảng ủy khối các trường Đại học, cao đẳng thành phố Hà Nội, gồm: 30 Chi bộ với 480 đảng viên.
- Công đoàn Nhà trường trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội với 837 đoàn viên sinh hoạt ở 28 Tổ Công đoàn và Công đoàn bộ phận.
- Đoàn Thanh niên Nhà trường trực thuộc Thành đoàn Hà Nội. Hiện nay Đoàn TNCS HCM Trường có 6 Liên chi đoàn sinh viên và 145 chi đoàn, tổng số là 8360 đoàn viên.
- Hội Sinh viên Trường trực thuộc Hội Sinh viên thành phố Hà Nội; có 8125 hội viên, với 21 Câu Lạc bộ (CLB) trực thuộc: Đội sinh viên tình nguyện, CLB Mỹ

thuật trẻ, CLB Quy hoạch trẻ, CLB Đô thị xanh, CLB Âm nhạc, CLB guitar, CLB Đồ họa, CLB Rock Kiến Trúc, CLB sinh viên vận động hiến máu tình nguyện...

Đánh giá chung :

Nhìn chung cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà trường trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến và từng bước được nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Tuy nhiên thách thức để phát triển theo định hướng từng bước tiến tới tự chủ Nhà trường cũng nhận thấy còn nhiều vấn đề cần được khắc phục, Cụ thể như sau:

- Về cơ cấu tổ chức chưa tương đồng với mô hình một trường đào tạo đa ngành (*Univerrcity*) theo thông lệ quốc tế. Cơ cấu bộ máy khối đào tạo vẫn là cơ cấu theo mô hình : Trường - Khoa - Bộ môn, nên chưa phát huy được tính tự chủ cho mô hình đào tạo như các trường đại học trên thế giới (*Mô hình : University (Trường) - School (Trường chuyên ngành) - Departement (Khoa chuyên ngành)*).

- Tỷ lệ cơ cấu giữa đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý phục vụ còn chưa hợp lý, chưa phù hợp với mô hình tiến tới mô hình tự chủ.

- Tỷ lệ Tiến sỹ/ tổng số cán bộ còn chưa cao (*Chiếm 21% so với khối cán bộ giảng dạy và chiếm 13,5% so với tổng số cán bộ trong quỹ lương*). Số lượng chuyên gia đầu ngành có học hàm Phó giáo sư và Giáo sư còn chưa cao.

- Cơ cấu tổ chức khối tự hạch toán (*các Viện trực thuộc, văn phòng tư vấn, Trung tâm dịch vụ, công ty ....*) vẫn còn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, chưa có những đóng góp tích cực cho nhà trường để tăng cường các bước tự chủ.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban giám hiệu và Hội đồng Trường cần đẩy mạnh hơn nữa để nâng cao khả năng tự chủ của mô hình hoạt động.

- Chưa huy động được hiệu quả được đầu tư xã hội cho mô hình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

## 1.2. Về đào tạo

Năm 2016, Trường đã có:

- 19 chuyên ngành đào tạo Đại học hệ chính quy với tổng số 9090 sinh viên;  
- 05 chuyên ngành đào tạo hệ không chính quy (*Vừa học vừa làm, cử tuyển, văn bằng hai, liên thông*) với tổng số 860 sinh viên (*gồm cả đào tạo tại Trường và các cơ sở liên kết*);

- 05 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ với tổng số 923 học viên (*Hình thức đào tạo tập trung, thời gian đào tạo hiện nay là 18 tháng theo Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chương trình đào tạo của Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội*);

- 05 chuyên ngành nghiên cứu sinh với tổng số 127 học viên.

- Riêng đối với nghiên cứu sinh, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội còn có 2 loại hình đào tạo có yếu tố nước ngoài dành cho cán bộ, giảng viên của Nhà trường bao gồm:

- + Đào tạo ở nước ngoài toàn phần: Đã có nhiều cán bộ, giáo viên được đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước hoặc thông qua các dự án hợp tác với các trường đại học nước ngoài và cá nhân tự túc.
- + Đào tạo kép: Đào tạo tiến sĩ theo chương trình 322 và 911 do ngân sách nhà nước cung cấp: một nửa thời gian học trong nước và một nửa thời gian học ở nước ngoài.

Đánh giá chung :

Nhìn chung hiện nay Nhà trường đang có quy mô, ngành nghề đào tạo hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của Xã hội. Về cơ bản đáp ứng được việc cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo chuyên ngành phục vụ nhu cầu phát triển của Ngành Xây dựng và yêu cầu phát triển xã hội. Các chương trình đào tạo được cập nhật và đổi mới theo đúng quy trình 2 năm / lần đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng. Hệ thống tài liệu phục vụ giảng dạy cũng được cập nhật thường xuyên cả về số lượng và chất lượng. Quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ đã đi vào nền nếp và tạo điều kiện cho người học có khả năng phát huy được năng lực tự thân.

Công tác đào tạo của Nhà Trường có rất nhiều cố gắng để khắc phục khó khăn và phát triển trong những năm qua đặc biệt trong 2 năm gần đây từ năm 2015 - 2016, Nhà trường đã mở thêm được 4 mã ngành đào tạo ở bậc Đại học nâng tổng số ngành đào tạo từ 14 lên 18 ngành đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành xây dựng phù hợp với thực tiễn xã hội. Các chương trình đào tạo quốc tế phát triển và từng bước khẳng định được chất lượng vị thế như chương trình đào tạo Kiến trúc tiên tiến sử dụng tiếng Anh và chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan sử dụng tiếng Pháp đang tiến tới được công nhận và cấp bằng của các trường đại học đối tác. Các chương trình đào tạo bậc sau đại học có chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao. Các chương trình đào tạo thường xuyên được xây dựng và cập nhật mới theo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng. Nhà trường luôn tuyển sinh đầy đủ chỉ tiêu ở các bậc đào tạo từ đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ cho thấy các chương trình đào tạo luôn được xã hội quan tâm và đáp ứng đúng các yêu cầu phát triển.

Tuy nhiên để phát triển tốt hơn trong bối cảnh xã hội ngày càng có những đòi hỏi cao hơn và theo các bước để tiến tới tự chủ Nhà trường cũng nhận thấy còn có những vấn đề cần được triển khai. Cụ thể như sau:

- Cần xây dựng chiến lược và kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo đặc biệt là các chuyên ngành mũi nhọn trong lĩnh vực Kiến trúc, Quy hoạch và các ngành đào tạo có liên quan để hoàn thành công tác đánh giá ngoài và từng bước đạt chuẩn quốc tế.

- Cần phải mở rộng các lĩnh vực đào tạo chuyên sâu để các chương trình đào tạo toàn diện hơn đáp ứng yêu cầu phát triển Ngành Xây dựng và yêu cầu xã hội (Như một số chuyên ngành: Bảo tồn di sản Kiến trúc và Đô thị, Quản lý dự án xây dựng, bất động sản ....).

- Cần phải mở rộng các chuyên ngành đào tạo bậc sau đại học (Thạc sỹ và Tiến sỹ) với những ngành và chuyên ngành đã đào tạo ở bậc đại học để tạo điều kiện cho người học có khả năng liên thông cao.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo quốc tế sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh và tiếng Pháp) để tăng cường khả năng giao lưu và hội nhập quốc tế trong công tác trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn đa dạng về hình thức và nội dung với hệ thống tín chỉ tương đương để tạo điều kiện tối ưu cho người học có khả năng hoàn thiện chương trình đào tạo tốt nhất phù hợp với khả năng.

- Xây dựng và phát triển các các chương trình đào tạo Kiến trúc sư và kỹ sư tài năng nhằm tạo dựng môi trường phát triển tối ưu cho những sinh viên ưu tú và mũi nhọn đào tạo cho các ngành và chuyên ngành đào tạo.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng, gắn môi trường đào tạo với hệ thống doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động để kiến tạo điều kiện việc làm tốt nhất cho sinh viên sau khi tốt nghiệp và môi trường khởi nghiệp cho sinh viên.

### **1.3. Về Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế**

#### **1.3.1. Về Khoa học Công nghệ**

Trong giai đoạn 2010 đến nay, nhà trường đã tiếp nhận và triển khai 48 đề tài cấp ngành và dự án sự nghiệp kinh tế, đã thực hiện 03 đề tài khoa học cấp thành phố, 114 đề tài NCKH cấp trường và biên soạn 92 giáo trình và tài liệu giảng dạy.

Hiện nay, nhà trường đang triển khai nhiều đề tài khoa học và dự án sự nghiệp kinh tế trong khuôn khổ chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nghiên cứu về công trình xanh, kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng là những vấn đề của thời đại được thế giới quan tâm.

Tạp chí Khoa học Kiến trúc - Xây dựng được Nhà trường xuất bản thường kỳ, từ năm 2010, đảm bảo nội dung khoa học và hình thức trình bày có chất lượng cao, đã công bố được nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của các giảng viên và các nhà khoa học trong toàn Trường.

Công tác nghiên cứu khoa học sinh viên được nhà trường triển khai từ nhiều năm nay. Mỗi năm có hàng trăm sinh viên tham gia nghiên cứu trên một trăm đề khoa học thuộc các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường, có nhiều đề tạt được giải thưởng của Nhà trường, của bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên của trường cũng tích cực tham gia và đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học và sáng tạo kiến trúc do các tổ chức nghề nghiệp, các công ty chuyên ngành trong và ngoài nước tổ chức, tiêu biểu là sinh viên Nhà trường đã đạt 2 giải thưởng lớn về đề xuất dự án khoa học do Công ty Xi măng Holcim tổ chức.

Hệ thống cơ chế, văn bản quản lý khoa học của Nhà trường đã được cập nhật, nâng cấp theo yêu cầu phát triển mới.

Công tác quản lý hồ sơ cán bộ khoa học công nghệ đã được triển khai có kết quả.

### **1.3.2. Về Hợp tác Quốc tế**

a) Một số dự án hợp tác và chuyển giao công nghệ đã được thực hiện như:

- Dự án “Nâng cao trình độ Quản lý kiến trúc, quy hoạch” hợp tác với trường ĐHTH Catalonia, Tây Ban Nha và ĐHKT Milano, Ý do mạng lưới Asian Link tài trợ.

- Dự án chuyển giao công nghệ và xây dựng tiêu chuẩn xây dựng cho mái và kính, hợp tác giữa Viện kiến trúc nhiệt đới và tập đoàn Onduline (Pháp).

- Dự án “Cải tạo bếp tiết kiệm năng lượng” hợp tác với trường ĐHTH Lund - Thụy Điển.

- Dự án “Nhà ở cho người nghèo đô thị” do IDRC - Canada tài trợ.

- Dự án “Nâng cao năng lực lập kế hoạch chiến lược” hợp tác với Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội do WB tài trợ.

- Viện nghiên cứu nhà ở và phát triển đô thị Hà Lan (IHS).

- Viện Nghiên cứu Xã hội học thuộc ĐHTH Erasmus, (Hà Lan) do tổ chức Nuffic tài trợ.

- Dự án Quản lý đô thị hợp tác với Trường ĐHTH Montreal-Canada do CIDA tài trợ.

- Dự án Nâng cao năng lực cho các giảng viên và cán bộ trường ĐHKTHN.

- Dự án “*Quy hoạch và chính sách phát triển đô thị trong kỷ nguyên toàn cầu hóa*” hợp tác với Trường ĐHTH Hawaii, Manoa- Mỹ do Ford Foundation tài trợ.

- Dự án “*Nâng cao năng lực quy hoạch và quản lý môi trường đô thị*” do DANIDA - Đan Mạch tài trợ

- Dự án Giáo dục Đại học do WB tài trợ.

Các dự án này được triển khai đã thu hút sự tham gia của các giảng viên và cán bộ của Nhà trường với các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và nâng cao kiến thức về lý luận và thực tiễn. Các dự án này đều đã được triển khai thực tiễn tại Việt Nam như Sử dụng tin học trong Quản lý đất đai tại thành phố Nam Định (*hợp tác với Canada*), Quản lý môi trường đô thị tại thành phố Thái Nguyên (*do Danida tài trợ*), dự án Giáo dục đại học (*do WB tài trợ*)...

b) *Hội thảo, hội nghị quốc tế:*

Việc tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế bao gồm 3 hình thức sau:

- Tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế tổ chức ở nước ngoài.
- Tổ chức, tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam.
- Tham quan, khảo sát, thực tập ở nước ngoài.

c) *Dự án quốc tế:*

Phần lớn các dự án hợp tác quốc tế đều tập trung cho công tác đổi mới chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Phần lớn cán bộ giáo viên của Nhà trường sau khi tham gia vào các lớp dự án đều có nhiều biến chuyển trong năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, dự án cũng đã giúp cho Trường biên dịch và trang bị thêm nhiều tài liệu giảng dạy và tham khảo mới xuất bản tại nhiều nước phát triển cũng như trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học (*dự án nâng cao năng lực do quỹ Ford tài trợ*).

## **1.4. Về cơ sở vật chất và tài chính**

### **1.4.1. Về cơ sở vật chất**

a) *Trụ sở Hà Nội: Km10, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Đông, Hà Nội:* Diện tích đất được giao sử dụng: 20092.94 m<sup>2</sup>.

- 67 phòng học-lý thuyết (*trong đó 29 phòng học ghép*)
- 29 xưởng học đồ án
- 05 phòng máy vi tính
- 04 phòng thí nghiệm

b) *Cơ sở Xuân Hòa - Vĩnh Phúc*

➤ *Cơ sở 1: Số 24 - đường Nguyễn Văn Linh - phường Xuân Hòa - thị xã Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc:*



- Diện tích đất được giao sử dụng: Tại Số 24 - đường Nguyễn Văn Linh - Xuân Hòa - Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc: 1,578 ha.

- 38 phòng học (gồm cả phòng học vi tính).

➤ Cơ sở 2: Số 24 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Diện tích đất được giao sử dụng: Số 24 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội: 158 m<sup>2</sup>.

Nhìn chung điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường chưa tương thích với quy mô và loại hình đào tạo, diện tích sử dụng còn thiếu thốn nên hiện tại vẫn phải thực hiện học 3 ca và thứ 7 và chủ nhật để đáp ứng yêu cầu của kế hoạch đào tạo. hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Nhà trường chưa được cải thiện nên tình trạng ngập lụt khi có mưa lớn xảy ra thường xuyên, phá vỡ hệ thống cảnh quan của môi trường sư phạm. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học còn khá nghèo nàn và lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhà trường đang hết sức cố gắng khắc phục những khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, tuy nhiên không tránh khỏi những hạn chế nhất định và đặc biệt khó cho việc thực hiện các chiến lược phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

#### 1.4.2. Về tài chính

##### Tình hình sử dụng kinh phí của Nhà trường qua các năm 2012 - 2015

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I	Số dư năm trước chuyển sang	7.381	11.671	8.826	3.166
II	Tổng nguồn thu	126.067	152.381	152.143	162.750
1	Ngân sách NN cấp	40.332	48.880	47.528	47.454
2	Thu từ hoạt động SN	74.429	88.888	94.740	101.784
3	Thu hoạt động sản xuất KD dịch vụ	11.306	14.613	9.875	13.512
III	Tổng chi	121.777	155.226	157.803	165.300
1	Chi hoạt động thường xuyên	88.800	112.348	129.248	132.541
2	Chi từ hoạt động sản xuất KD, DV	4.705	4.301	3.588	5.759
3	Trích lập các quỹ	28.272	38.577	24.967	27.000
IV	Chênh lệch thu chi	11.671	8.826	3.166	616

- Trong những năm qua Nhà trường gặp không ít khó khăn trong công tác đào tạo, đặc biệt đối với ngành nghệ thuật như ngành kiến trúc, quy hoạch, mỹ thuật

công nghiệp các chi phí cho quá trình đào tạo lớn hơn rất nhiều so với ngành kỹ thuật.

- Do sự suy thoái của nền kinh tế Ngành Xây dựng phát triển chậm, tính hấp dẫn của một số ngành giảm sút, số lượng sinh viên đăng ký vào Trường giảm. Mặt khác do sự mở rộng ngành nghề đào tạo của các trường đại học khác, số lượng các trường đại học đào tạo cùng ngành nghề ngày càng tăng. Trường Đại học Kiến trúc buộc phải san sẻ nguồn sinh viên đầu vào với các trường đào tạo cùng ngành nghề, công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn.

- Gần một nửa số sinh viên mà Trường đang đào tạo là ngành năng khiếu, có tính chất đặc thù đòi hỏi phương thức và tổ chức đào tạo khác với các ngành khác. Vì vậy chi phí đào tạo cũng cao hơn 1,5 lần so với các nhóm ngành kỹ thuật, kinh tế, nhưng quy định mức thu học phí quy định như nhau nên Nhà trường gặp nhiều khó khăn trong công tác đào tạo.

- Do sự đổi mới hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, đòi hỏi Nhà trường thay đổi phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp đào tạo, giáo trình tài liệu và cơ sở vật chất, nâng cao trình độ của giảng viên.

- Hàng năm khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương nguồn để thực hiện là tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương*), cứ mỗi năm Nhà trường phải tiết kiệm 10% đây là một trong những khó khăn đối với công tác tài chính của Nhà trường bởi vì chi thường xuyên gồm có chi điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu hội nghị, ... mà các khoản chi này hàng năm do các chính sách giá cả đều tăng.

- Sử dụng 40% nguồn thu học phí để làm nguồn chi tiền lương, đây là một khó khăn lớn đối với Nhà trường, nguồn thu học phí của Nhà trường sử dụng chi trực tiếp cho sinh viên như chi học bổng, khen thưởng, nghiên cứu khoa học sinh viên, các chi phí trực tiếp phục vụ công tác đào tạo... và chi tiền công giảng dạy, trang thiết bị, nếu sử dụng 40% nguồn thu học phí để làm nguồn chi tiền lương thì không còn kinh phí để chi tăng cường cơ sở vật chất và các khoản chi khác. Việc thu lệ phí tuyển sinh trong những năm qua số thu không đủ bù đắp những khoản chi phí (*do số lượng thí sinh dự thi ngày càng ít*) Nhà trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp để bù đắp các khoản chi cho công tác tuyển sinh.

- Do nguồn kinh phí hạn hẹp trong những năm qua việc đầu tư không đồng bộ nên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Nhà trường. Đặc biệt là việc hạ tầng mạng chưa đáp ứng cho nhu cầu học tập và nghiên cứu kỹ thuật số trong nước và quốc tế.

## 1.5. Về lao động sản xuất và chuyển giao công nghệ

### 1.5.1. Cơ cấu tổ chức :

Khối Lao động sản xuất, chuyển giao công nghệ và dịch vụ của Nhà trường bao gồm 05 đơn vị: Công ty Xây dựng và phát triển đô thị, Văn phòng tư vấn và chuyên gia công nghệ xây dựng, Viện Kiến trúc Nhiệt đới, Trung tâm Công nghệ Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường đô thị, Trung tâm nâng cao năng lực và phát triển đô thị.

## 1.6. Những nguyên nhân của những thành công và hạn chế :

Nguyên nhân:

Những thành công :

- Được sự quan tâm của Bộ xây dựng, với truyền thống đào tạo lâu năm.
- Bộ máy tổ chức quản lý và đào tạo của Nhà trường đã hoạt động khá nề nếp có sự đoàn kết trong nội bộ lãnh đạo của Nhà trường và toàn thể đội ngũ cán bộ người lao động của toàn trường để phát huy những truyền thống đã có để phát triển.

- Đội ngũ cán bộ công chức , viên chức, người lao động có những cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó với kết quả hoạt động khả quan.

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy với nòng cốt là những thầy cô giáo tâm huyết với nghề có nhiều cố gắng trong hoạt động đổi mới chương trình đào tạo và nội dung bài giảng.

- Những hạn chế :

- Hệ thống tổ chức bộ máy các cơ sở đào tạo đại học Việt nam hiện nay chậm đổi mới chưa ứng dụng được những mô hình tiên tiến trên thế giới để tiến tới tự chủ và hội nhập quốc tế. Đây là tình hình chung của tất cả các trường đào tạo đại học ở Việt Nam với cơ chế tổ chức còn phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống chính sách.

- Cơ chế điều hành và phối hợp hành động giữa Đảng uỷ - Ban giám hiệu và Hội đồng Trường tại các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay còn nhiều lúng túng chưa thống nhất.

- Hệ thống mã ngành đào tạo cấp 4 - Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chưa thống nhất với mã Viên chức, hệ số lương và vị trí việc làm do Bộ Nội vụ ban hành đưa đến nhiều khó khăn cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Chưa có những hệ thống hành lang pháp lý khuyến khích việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư mạnh mẽ cho các trường đại học. Việc liên kết giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài ngành Xây dựng chưa được chặt chẽ.

- Thị trường hoạt động xây dựng trong những năm qua còn rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến góc nhìn xã hội đối với môi trường đào tạo chuyên môn.
- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường có sự biến đổi do tiếp nhận cơ sở Trường Trung cấp xây dựng số 4 - Xuân Hòa với bộ máy và đối tượng lao động khá phức tạp không tương thích với đào tạo trình độ đại học.
- Điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường còn rất nhiều thiếu thốn chưa tương xứng với quy mô đào tạo, Trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học còn thiếu thốn và lạc hậu.

## II. Định hướng phát triển đến năm 2025

Căn cứ trên những phân tích thực trạng một cách tổng hợp trên mọi phương diện của Nhà trường, những điều kiện thuận lợi và khó khăn cũng như những thách thức để phát triển trong thời gian tới. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2025 với hai giai đoạn :

**Giai đoạn 1 :** Từ nay đến 2020 : Giai đoạn xây dựng và chuẩn bị cho mô hình tự chủ.

**Giai đoạn 2 :** 2020 - 2025 : Giai đoạn tự chủ một cách toàn diện .

Những định hướng chủ đạo:

- Mở rộng có chọn lọc các hệ/ngành/chương trình đào tạo đại học, sau đại học, liên kết quốc tế.
- Đa dạng hóa các phương thức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ, tài chính...
- Củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo.
- Nâng cao hiệu quả - chi phí của các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ.
- Chọn lọc và phát triển một số ngành mũi nhọn.
- Tận dụng sức mạnh hệ thống các vụ, tổng công ty và các doanh nghiệp chuyên ngành Xây dựng, kiến trúc, quản lý đô thị và công trình, phát triển đô thị và bất động sản của Bộ xây dựng, Sở xây dựng , quy hoạch Kiến trúc của các địa phương để phát triển Nhà trường. Tích cực tham gia các chương trình trọng điểm của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hợp tác chặt chẽ với khối trường ĐH Kỹ thuật cả nước.

### 2.1. Về tổ chức mô hình tổ chức đào tạo:

**Giai đoạn từ nay đến 2020 :**

- Ổn định mô hình tổ chức hiện nay với cơ cấu tổ chức các đơn vị , củng cố và nâng cao hiệu quả của các đơn vị.

- Thành lập phân hiệu 1 của Nhà trường tại Xuân Hòa với các chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học (Theo dự án thành lập phân hiệu đã được đệ trình lên Bộ Xây dựng và Bộ giáo dục và đào tạo).

- Thành lập Viện khoa học công nghệ Kiến trúc và Xây dựng- Trên cơ sở hợp nhất Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng Xây dựng, Hệ thống Trung tâm thí nghiệm môi trường đô thị và Xưởng mô hình thực nghiệm Kiến trúc theo đề án đệ trình lên Bộ Xây dựng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả các đơn vị với mô hình tự chủ.

- Đệ trình lên Bộ Xây dựng thành lập Trung tâm đào tạo An toàn lao động quốc gia gắn với cơ cấu Viện đào tạo và ứng dụng Khoa học công nghệ trực thuộc Trường đại học Kiến trúc Hà Nội tại cơ sở 24 Nguyễn An Ninh - Quận Hai Bà Trưng - Thành Phố Hà Nội.

- Ổn định số lượng cán bộ công chức và viên chức tại Trường và Phân hiệu, đồng thời thực hiện chính sách tinh giảm biên chế theo cam kết với Bộ Xây dựng

- Thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng cho nhu cầu phát triển đặc biệt là tại Phân hiệu 1 đáp ứng đủ trình độ và năng lực giảng dạy đại học.

- Xây dựng đề án trình Bộ xây dựng cơ cấu tổ chức cho giai đoạn tự chủ.

#### **Giai đoạn 2020 - 2025:**

Thực hiện tập trung cho chương trình cơ cấu tổ chức khối đào tạo theo hướng phù hợp với mô hình University theo thông lệ quốc tế với cấu trúc đổi mới với các Trường (School) trực thuộc để thích ứng mới mô hình tự chủ toàn diện và hội nhập quốc tế

Cụ thể như sau :

- Trường Kiến trúc và Quy hoạch: Với hai khoa chính là Khoa Kiến trúc và Quy hoạch quản lý và thực hiện 5 chương trình đào tạo : Kiến trúc , Quy hoạch. Kiến trúc cảnh quan, Thiết kế đô thị và Bảo tồn di sản Kiến trúc và đô thị.

- Trường Xây dựng; Với hai khoa : Khoa Xây dựng dân dụng công nghiệp và Khoa kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị quản lý các ngành học : Xây dựng dân dụng công nghiệp, Công trình ngầm, Vật liệu xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng, Cấp và thoát nước, Môi trường đô thị, Kỹ thuật công trình giao thông.

- Trường Quản lý và kinh tế xây dựng : Với hai khoa : Khoa quản lý đô thị và Khoa Kinh tế , quản lý các chương trình đào tạo : Quản lý xây dựng, Quản lý dự án xây dựng, Bất động sản và kinh tế xây dựng.

- Trường Mỹ thuật ứng dụng : Với hai khoa : Khoa Thiết Kế Nội và ngoại thất và Khoa Thiết kế Mỹ thuật Quản lý các ngành học : Thiết kế nội và ngoại thất, Thiết kế đồ họa, thiết kế thời trang, Điêu khắc.

- Trường Kỹ thuật Công nghệ : Với hai khoa : Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Công nghệ Kiến trúc và xây dựng quản lý các ngành học : Công nghệ thông tin, Truyền thông đa phương tiện (*Multi media*), Công nghệ Kiến trúc, Công nghệ xây dựng.

- Viện đại học mở : Thành lập trên cơ sở Khoa Tại chức quản lý và thực hiện các chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học, Hệ liên thông, Hệ đào tạo liên kết theo yêu cầu địa phương, Chương trình liên kết đào tạo từ xa cho các chuyên ngành đào tạo.

- Viện đào tạo sau đại học : Quản lý đào tạo các chương trình đào tạo bậc sau đại học từ Thạc sỹ và tiến sỹ cho các chuyên ngành : Kiến trúc, Quy hoạch, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Quản lý đô thị, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Mỹ thuật ứng dụng, Kinh tế xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật công trình giao thông.

- Viện đào tạo và hợp tác quốc tế: Quản lý các chương trình hợp tác quốc tế cho Nhà trường và quản lý các chương trình đào tạo sử dụng Anh ngữ và Pháp ngữ: Chương trình Kiến trúc tiên tiến Và chương trình đại học và sau đại học Pháp ngữ.

Ngoài ra các khoa và trung tâm trực thuộc Nhà trường thực hiện các chương trình đào tạo chung cho các Trường trực thuộc bao gồm : Khoa lý luận chính trị, Trung tâm ngoại ngữ, Trung tâm giáo dục thể chất và quân sự.

Bộ máy hoạt động quản lý đào tạo chung và các phòng ban hành chính ổn định như giai đoạn trước để có thể thực hiện tốt các tác nghiệp.

## 2.2. Về đào tạo

### 2.2.1. Đào tạo hệ đại học :

a) Về quy mô đào tạo và các ngành đào tạo:

- Giữa ổn định quy mô đào tạo như quy mô hiện nay đối với hệ đào tạo đại học chính quy dài hạn (*khoảng 2200 sinh viên mới tuyển sinh hàng năm*) đối với 18 chuyên ngành.

- Nghiên cứu mở rộng một số mã ngành mới đáp ứng yêu cầu phát triển của Khối ngành học và yêu cầu xã hội:

+ Đối với khối Ngành Kiến trúc - Quy hoạch: Nghiên cứu mã ngành: Bảo tồn di sản kiến trúc, Công nghệ kiến trúc.

+ Đối với Khối ngành Nghệ thuật: Nghiên cứu mã ngành: Thiết kế truyền thông đa phương tiện (*Multi-media Design*).

+ Đối với khối ngành Quản lý và kinh tế: Nghiên cứu mã ngành: Quản lý dự án, Bất động sản.

+ Đối với khối ngành công nghệ thông tin: Nghiên cứu mã ngành: Tin học ứng dụng (*Điện họa Kiến trúc- quy hoạch, Xây dựng, Quản lý BIM...*).

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội:

+ Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo hệ đại học liên kết với các trường đại học có uy tín cùng chuyên ngành trên thế giới và khu vực, kiến tạo một hệ thống mạng lưới đào tạo liên kết-quốc tế.

+ Xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu doanh nghiệp và địa phương theo phương thức hợp tác và đặt hàng.

+ Xây dựng và triển khai phương thức đào tạo gắn với công nghệ tiên tiến: Video conferent.

+ Xây dựng quy trình và đổi mới phương thức triển khai hệ đào tạo vừa học vừa làm, đào tạo liên thông đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Nghiên cứu và đào tạo một số lớp đào tạo Kiến trúc sư và Kỹ sư tài năng để phát triển các ngành mũi nhọn

b) Về nội dung chương trình đào tạo:

- Rà soát đổi mới nội dung chương trình đào tạo các ngành để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng:

+ Tăng cường khả năng tiếp cận với thực tiễn để giúp người học có khả năng cao khi tiếp cận với những vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ Tăng cường khả năng hội nhập quốc tế cho các chương trình đào tạo với quan điểm cung cấp lực lượng lao động có trình độ cao sau đào tạo không chỉ cho thị trường lao động Việt nam mà còn cho khu vực ASEAN và vươn ra khu vực châu Á và thế giới.

+ Tăng cường khả năng liên kết giữa các khối kiến thức để sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn.

+ Tăng cường khả năng liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo các ngành học trong cùng khối cũng như các khối với nhau, và liên thông dọc giữa các cấp học cho các ngành đào tạo để hướng tới bối cảnh triển khai chương trình đào tạo khoa học, linh hoạt và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học.

- Đổi mới nội dung chương trình và thời gian đào tạo cho chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc.

- Hoàn thiện, đổi mới chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan liên kết với các trường đại học Cộng hòa Pháp để mở rộng ảnh hưởng trong nước và khu vực.
- Xây dựng và đổi mới nội dung chương trình đào tạo các ngành hệ vừa học vừa làm theo học chế tín chỉ.
- Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến cho ngành Quy hoạch – liên kết với một trường đại học có uy tín trên thế giới.
- Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên thông qua các chương trình đào tạo mở rộng lấy chứng chỉ và công nhận liên thông.
- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các chương trình đào tạo mở rộng lấy chứng chỉ và công nhận liên thông

*c) Về phương pháp đào tạo:*

- Tăng cường việc Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học cho các chuyên ngành đào tạo theo học chế tín chỉ với tiêu chí “*lấy người học làm trung tâm*” tăng cường khả năng tự học của sinh viên. Xây dựng các phương pháp đào tạo tăng cường tính đa dạng và chuyên biệt cho các ngành đào tạo.
- Tăng cường giao lưu trong nước và quốc tế với các trường đại học có chất lượng trong và ngoài nước thông qua các chương trình Workshop, Hội thảo và các cuộc thi trong nước và quốc tế.
- Đổi mới và hoàn thiện công nghệ đào tạo ngành Kiến trúc, Quy hoạch theo hướng gắn hệ thống đồ án Kiến trúc, Quy hoạch với hệ thống lý thuyết và thực tiễn.
- Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo các tín chỉ thực tập trong chương trình đào tạo của các ngành gắn với thực tiễn.
- Xây dựng Xưởng học đồ án cho chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc và Kiến trúc cảnh quan liên kết với các đối tác Pháp.
- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo.
- Tăng cường tổ chức các chương trình học ngoại khóa cho sinh viên, các chương trình study tour cho sinh viên trong và ngoài nước.

*d) Về tổ chức đào tạo:*

- Hiệu chỉnh nhằm từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức đào tạo trên cơ sở nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và bộ máy quản lý.
- Xây dựng và hoàn thiện quy định về quản lý sinh viên theo học chế tín chỉ trên cơ sở rút kinh nghiệm của quá trình thực hiện triển khai học chế tín chỉ tại trường đại học Kiến trúc Hà nội từ năm 2008.
- Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ.



- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác của đội ngũ cố vấn học tập.
- Xây dựng phần mềm quản lý sinh viên trên giảng đường.
- Xây dựng lộ trình để kiểm định trong nước và quốc tế cho một số ngành đào tạo mũi nhọn của Nhà trường.
- Chỉ tiêu tuyển sinh đại học đến năm 2020:

TT	Ngành, khối	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>I</b>	<b>HỆ CHÍNH QUY</b>	<b>2200</b>	<b>2200</b>	<b>2200</b>	<b>2250</b>	<b>2250</b>
1	Kiến trúc	350	350*	350*	350*	350
2	Quy hoạch vùng và đô thị	150	150	150	150	150
3	Kiến trúc cảnh quan	50	50	50	50	50
4	Thiết kế đồ họa	50	50	50	50	50
5	Thiết kế thời trang	50	50	50	50	50
6	Thiết kế nội thất	100	100	100	100	100
7	Điêu khắc	50	50	50	50	50
	Kỹ thuật công trình xây dựng	500	500	500	500	500
8	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp	450	450	450**	450**	450**
	- Xây dựng công trình ngầm	50	50	50	50	50
9	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	50	50	50	50	50
10	Cấp thoát nước	150	150	150	150	150
	Kỹ thuật đô thị	150	150	150	150	150
11	- Kỹ thuật hạ tầng đô thị	100	100	100	100	100
	- Kỹ thuật môi trường đô thị	50	50	50	50	50
12	Kỹ thuật XD công trình giao thông	150	150	150	150	150
13	Quản lý xây dựng	150	150	150	150	150
14	Kinh tế xây dựng	150	150	150	200	200
15	Công nghệ thông tin	50	50	50	50	50
<b>II</b>	<b>HỆ VLVH, LT, VB2</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>700</b>
<b>III</b>	<b>TRƯỜNG HỢP KHÁC</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc	50	50	50	50	50
2	Đào tạo theo Địa chỉ, Cử tuyển	50	50	50	50	50

Ghi chú: (\*): Có triển khai 01 lớp KTS chất lượng cao

(\*\*): Có triển khai 01 lớp Kỹ sư chất lượng cao

Ngoài ra còn có thêm chỉ tiêu ngành Kiến trúc cảnh quan theo Dự án Chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan, nghiên cứu mở thêm một số mã ngành mới và nghiên cứu đào tạo theo địa chỉ cho vùng Tây Bắc.

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học từ năm 2020 - 2025:

- Căn cứ số lượng mã ngành tuyển sinh đại học cho các chuyên ngành mới được nghiên cứu ở giai đoạn trước để thực hiện đào tạo. Với 7 chuyên ngành mới có số lượng tuyển sinh tăng thêm từ 350- 500 sinh viên mỗi năm học đưa số lượng tuyển sinh hàng năm của nhà trường 2600-2750 sinh viên / năm.

### 2.2.2. Đào tạo sau đại học:

Giữ ổn định quy mô đào tạo hiện nay với chỉ tiêu tuyển sinh khoảng 450 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh hàng năm đối với các chuyên ngành đang đào tạo.

Nghiên cứu, phân đầu để có lộ trình mở một số mã ngành đào tạo sau đại học Hệ đào tạo Thạc sỹ:

- Mã ngành đào tạo Thạc sỹ Kinh tế xây dựng
- Mã ngành đào tạo Thạc sỹ
- Chỉ tiêu đào tạo sau đại học đến năm 2020:

TT	Năm	2016	2017	2018	2019	2020
1	Thạc sỹ trong nước	300	300	330	330	330
2	Thạc sỹ Pháp ngữ	20	20	20	20	20
3	Tiến sỹ	20	25	25	25	30

- Chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học từ năm 2020 - 2025 :
- Số lượng tuyển sinh hệ sau đại học tăng cường cho các 5 ngành học mới được nghiên cứu cho giai đoạn trước với số lượng tăng thêm 120 sinh viên/ năm hệ Thạc sỹ trong nước và 10 Tiến sỹ đào tạo liên kết đồng hướng dẫn/năm.

### 2.3. Về Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế tới năm 2020

#### a) Về Khoa học Công nghệ:

Tới năm 2020, nhà trường đặt ra một số chỉ tiêu phát triển khoa học và công nghệ:

- Đề tài khoa học, dự án sự nghiệp kinh tế cấp ngành, thành phố: 7 - 10 nhiệm vụ/năm.
- Đề tài cấp trường: 30 - 40 đề tài/năm.
- Biên soạn tài liệu giảng dạy, dịch sách chuyên ngành: 7 - 10 tài liệu/năm.
- Đề tài khoa học sinh viên: 80 - 100 đề tài/năm.
- Số lượng bài báo khoa học đăng trên các Tạp chí Khoa học Kiến trúc & Xây dựng: 100 - 120 bài/năm.

#### b) Về Hợp tác Quốc tế

- Hoàn thiện chương trình liên kết đào tạo quốc tế dài hạn đạt chuẩn quốc tế, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng giảng dạy trực

tiếp và trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu và đội ngũ cố vấn học tập phục vụ người học.

- Phát triển liên kết đào tạo ngắn hạn dưới nhiều hình thức đa dạng, cung cấp kiến thức chuyên ngành bổ sung cũng như cập nhật tình hình chuyên ngành thực tiễn cho các đối tượng liên quan.

- Phát triển các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu của Nhà trường. Các dự án mới liên quan tới mọi chuyên ngành của nhà trường, khai thác tối đa cơ sở vật chất và kiến thức chuyên môn của các nhà khoa học và giảng viên.

- Tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế chuyên ngành, trở thành địa điểm trao đổi học thuật hàng năm.

- Đổi mới phương thức và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế theo hướng thu về một đầu mối, chuyên nghiệp hóa sẽ tạo điều kiện phát triển và đa dạng hóa các hoạt động cũng như tạo nền tảng cho những bước phát triển tiếp theo, tăng khả năng cạnh tranh của Nhà trường.

- Phát triển công tác tư vấn du học và việc làm cho sinh viên nhằm tạo đầu ra cho sinh viên, tạo nguồn thu nhập cho nhà trường.

### **2.3. Về cơ sở vật chất - tài chính**

#### **2.3.1. Về cơ sở vật chất:**

Phát triển ổn định và nâng cao điều kiện học tập và giảng dạy cho cơ sở Km 10 Nguyễn Trãi - Thanh xuân - Hà Nội.

Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng của Nhà trường chấm dứt tình trạng ngập lụt khi có mưa lớn để đảm bảo điều kiện học tập và giảng dạy.

Tăng cường đầu tư diện tích cho các phòng học, phòng đồ án và các phòng làm việc; tăng dần diện tích ký túc xá sinh viên; đáp ứng nhu cầu về máy móc thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, bố trí phòng làm việc, xưởng học đồ án từ nay đến năm 2020 như sau:

- Cải tạo sửa chữa lại khối văn phòng làm việc.
- Xây dựng đề án quy hoạch tổng thể Trường với nội dung Đề xuất dự án đầu tư trung hạn với khối nhà 15 tầng nổi và 2 tầng hầm để có đủ diện tích học tập và nghiên cứu đến năm 2025.

1	Chi hoạt động thường xuyên	180.096	187.450	198.500	208.800	220.740
2	Chi hoạt động sản xuất KD dịch vụ	8.225	8.275	8.410	8.630	9.265
III	Chênh lệch thu, chi	735	1.320	1.186	1.032	1.851

**Dự kiến mức thu học phí từ năm 2016 đến năm 2020**  
(Theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Hệ đào tạo	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tiến sĩ	19.750/năm	21.750/năm	24.000/năm	26.500/năm	29.250/năm
2	Thạc sĩ	474/TC	522đ/TC	576/TC	636đ/TC	702đ/TC
3	<b>Hệ đại học</b>					
3.1	Ngành đào tạo 5 năm	246,9/TC	271,9/TC	300đ/TC	331,2/TC	365,6/TC
3.2	Ngành đào tạo 4.5 năm	237/TC	261/TC	288/TC	318/TC	351/TC
4	Hệ liên thông cao đẳng lên đại học	329,2/TC	362,5/TC	400/TC	441,7/TC	487,5/TC
5	Hệ liên thông trung cấp lên đại học	395/TC	435/TC	480/TC	530/TC	585/TC
6	Hệ trung cấp (tại cơ sở Vĩnh Phúc)					
6.1	Nhóm ngành khoa học, xã hội kinh tế	470/tháng	520/tháng	570/tháng	Không đào tạo hệ trung cấp	Không đào tạo hệ trung cấp
6.2	Nhóm ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ	550/tháng	610/tháng	670đ/tháng	Không đào tạo hệ trung cấp	Không đào tạo hệ trung cấp

**Giai đoạn 2020 - 2025:** Thực hiện tự chủ tài chính theo quy định chung và các hệ thống văn bản của Nhà nước

**2.4. Về xây dựng đội ngũ:**

Kiến toàn cơ cấu tổ chức, tiến tới xây dựng cơ cấu hợp lý, linh hoạt, phát huy cao nhất năng suất và hiệu quả lao động của các bộ phận chức năng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đòi hỏi đa dạng của thị trường nhân lực xây dựng. Cụ thể:

*Số lượng và chất lượng:*

- Bảo đảm tỷ lệ 10-15 sinh viên / 1 giảng viên
- Tổng số giảng viên: 500; đảm bảo chất lượng và cơ cấu phù hợp
- Trình độ trên đại học: 80% ( TS 30%)
- GS, PGS: 10%
- Giảng viên cao cấp, GV chính: 35%
- Số CBGD sử dụng tốt ngoại ngữ trong chuyên môn: 80%
- Số GV giảng dạy được bằng tiếng nước ngoài: 20%

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức các khoa, bộ môn theo cơ cấu nhất là các khoa, bộ môn mới và biên chế cho các ngành học.

Theo chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020, tất cả các bộ môn phải có cán bộ có trình độ cao để có khả năng phát huy và nâng cao vai trò của các bộ môn trong cả 3 lĩnh vực: Đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đối với các bộ môn chuyên ngành, chủ nhiệm bộ môn phải có học vị TS, có chức danh GS, PGS; đối với các bộ môn khác, chủ nhiệm bộ môn có học vị ThS trở lên.

*Các biện pháp chủ yếu:*

- Làm tốt công tác hoạch định nguồn nhân lực.
- Đổi mới và hoàn thiện công tác tuyển dụng.
- Đa dạng hoá công tác bồi dưỡng phát triển đội ngũ.
- Sử dụng và đãi ngộ hợp lý đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, phục vụ, lao động sản xuất và dịch vụ.

### **2.5. Về lao động sản xuất và dịch vụ:**

Phát triển lao động sản xuất và nâng cao năng lực cho các đơn vị sản xuất trong Nhà trường nhằm phục vụ cho mô hình phát triển Nhà trường trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng trong các lĩnh vực Kiến trúc, xây dựng, kỹ thuật hạ tầng và phát triển đô thị tại Việt Nam. Với những định hướng chung:

- Phát huy sức mạnh tập thể, đoàn kết để phát triển.
- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh doanh.
- Phát huy các lĩnh vực hoạt động truyền thống. Đa dạng hoá trong lĩnh vực hoạt động, phát triển các hoạt động dịch vụ.
- Thực hành tiết kiệm.
- Bám sát những diễn biến của tình hình phát triển kinh tế, phát triển quan hệ hợp tác tận dụng các cơ hội để khai thác và phát triển.

### **III. Những kiến nghị với Bộ Xây dựng :**

- Công tác cơ cấu tổ chức và quản lý đào tạo: tạo điều kiện cho Nhà trường trong việc xây dựng và từng bước hoàn thiện, đổi mới cơ cấu tổ chức đến năm 2025 theo báo cáo .

- Tạo điều kiện về cơ chế và chính sách tài chính cho việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ viên chức giảng dạy đặc biệt tại cơ sở Xuân Hòa để đáp ứng cho nhu cầu phát triển.

- Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng để giải quyết dứt điểm tình trạng ngập lụt khi có mưa lớn theo phương án Nhà trường đã thống nhất đề xuất.
- Cho phép chủ trương trong trung hạn: Ưu tiên phát triển điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở Hà Nội bằng dự án đầu tư trung hạn khối nhà cao tầng trong khuôn viên Nhà trường theo phương án quy hoạch đề xuất nhằm tháo gỡ những khó khăn hiện tại và đảm bảo diện tích sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Tạo điều kiện đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học bằng nguồn ngân sách của Nhà nước thông qua các kênh đầu tư theo báo cáo đã được đệ trình trong giai đoạn trước mắt và tiếp tục ưu tiên cho các chương trình đầu tư phát triển cho tương lai.
- Tạo điều kiện cho Nhà trường trong công tác giải phóng mặt bằng tầng 1 nhà C trong khuôn viên Trường.
- Tạo điều kiện cho các cán bộ khoa học các chuyên ngành của Nhà trường tham gia các chương trình nghiên cứu chiến lược quốc gia mà Bộ xây dựng chủ trì.
- Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ chuyên gia của Nhà trường tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án sự nghiệp kinh tế cấp Nhà nước, cấp Bộ.
- Hỗ trợ cho Nhà trường trong các công tác liên quan với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan về chuyển đổi phương thức đào tạo văn bằng chứng chỉ có tính đặc thù cho ngành Kiến trúc – quy hoạch và Mỹ thuật và một số điều bất cập trong việc mã viên chức cho sinh viên sau tốt nghiệp cũng như các thủ tục hành chính và đối ngoại để thành lập phân hiệu 1 của Nhà trường tại Xuân Hòa.

Trường đại học Kiến trúc Kính trình báo cáo tổng hợp tổng quan thực trạng và định hướng phát triển của Nhà trường đến năm 2025. Rất mong được sự quan tâm của lãnh đạo Bộ Xây dựng và các vụ chức năng để tạo điều kiện cho Nhà trường có những bước phát triển bền vững thực hiện thành công chiến lược đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ Ngành và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT.



PGS.TS.KTS. Lê Quân